### **I.Mức phạt của Ô tô**

1. **Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP và Nghị định 123/2021/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm b Khoản 5, Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 20 triệu đồng (Điểm b Khoản 9 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
2. **Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm c Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và Mức phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 20 triệu đồng (Điểm d Khoản 9 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
3. **Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính; Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 800.000 - 1 triệu đồng (Điểm m Khoản 3 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm n Khoản 5 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
4. **Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho người đi bộ, xe lăn tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ sẽ** Mức phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 300.000 - 400.000 đồng (Điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm i Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và Mức phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm l Khoản 5 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
5. **Mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn gây tai nạn giao thông sẽ**  phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 400.000 - 600.000 đồng (Điểm g Khoản 2 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 20 - 22 triệu đồng (Điểm a Khoản 8 Điều 8 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
6. **Vận chuyển hàng hóa là phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị kỹ thuật, hàng dạng trụ không chằng buộc hoặc chằng buộc không theo quy định sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 600.000 - 800.000 đồng (Khoản 1 Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 22 triệu đồng (Điểm a Khoản 10 Điều 21 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
7. **Không chấp hành hiệu lệnh chỉ dẫn của người điều khiển giao thông sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm b Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm đ Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 20 triệu đồng (Điểm c Khoản 9 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
8. **Cản trở, không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thực thi công vụ sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Khoản 9 Điều 11 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm h Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 35 - 37 triệu đồng (Điểm a Khoản 14 Điều 12 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
9. **Lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường** sẽ phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 10 - 12 triệu đồng (Điểm b Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 40 - 50 triệu đồng (Khoản 12 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
10. **Vi phạm nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 16 - 18 triệu đồng (Điểm c Khoản 8 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 20 triệu đồng (Điểm a Khoản 9 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)

1**1. Điều khiển xe chạy quá tốc độ trên 35 km/h và** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 10 - 12 triệu đồng (Điểm c Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) sẽ phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 12 - 14 triệu đồng (Điểm a Khoản 7 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)

1. **Điều khiển xe ô tô gắn biển số không rõ chữ, số (không gắn đủ biển số, che dán biển số, biển số bị bẻ cong, che lấp, làm thay đổi chữ, số, màu sắc…) hoặc gắn biển số không đúng với chứng nhận đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp sẽ phạt** theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm c Khoản 3 Điều 16 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 20 - 26 triệu đồng
2. **Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 2 - 3 triệu đồng (Điểm a Khoản 4 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm d Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm h Khoản 5 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
3. **Điều khiển xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đi vào đường cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Không quy định và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 12 - 14 triệu đồng (Điểm b Khoản 7 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
4. **Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 10 - 12 triệu đồng (Điểm d Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, bổ sung bởi Điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 12 - 14 triệu đồng(Điểm c Khoản 7 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
5. **Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 16 - 18 triệu đồng (Điểm a Khoản 8 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 30 - 40 triệu đồng (Điểm đ Khoản 11 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
6. **Lùi xe trên đường cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 16 - 18 triệu đồng (Điểm a Khoản 8 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 30 - 40 triệu đồng (Điểm đ Khoản 11 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
7. **Quay đầu xe trên đường cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 10 - 12 triệu đồng (Điểm d Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, bổ sung bởi Điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 30 - 40 triệu đồng (Điểm đ Khoản 11 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)

**19. Vận chuyển hàng hóa là phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị kỹ thuật, hàng dạng trụ không chằng buộc hoặc chằng buộc không theo quy định sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 600.000 - 800.000 đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 18 - 22 triệu đồng

**20. Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho người đi bộ, xe lăn, xe thô sơ sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 300.000 - 400.000 đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng

**21. Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính; Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 800.000 - 1 triệu đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng

**22. Cản trở, không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thực thi công vụ sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 35 - 37 triệu đồng

**23. Điều khiển xe gắn biển số không đúng với chứng nhận đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 20 - 26 triệu đồng

**24. Dùng tay cầm, sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 2 - 3 triệu đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng

**25. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 10 - 12 triệu đồng và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 12 - 14 triệu đồng.

**26. Điều khiển xe chở người 4 bánh có động cơ, xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ đi vào cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 12 - 14 triệu đồng.

**II .Mức phạt đối với mô tô, xe gắn máy**

1. **Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP và Nghị định 123/2021/NĐ-CP: 800.000 - 1 triệu đồng (Điểm e Khoản 4 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm g Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm c Khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
2. **Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 5 triệu đồng (Điểm c Khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 6 - 8 triệu đồng (Điểm b Khoản 8 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
3. **Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 6 - 8 triệu đồng (Điểm e Khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 8 - 10 triệu đồng (Điểm d Khoản 9 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP).
4. **Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 4 - 5 triệu đồng (Điểm a Khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 6 - 8 triệu đồng (Điểm a Khoản 6 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
5. **Điều khiển xe mô tô đi vào đường cao tốc sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 2 - 3 triệu đồng (Điểm b Khoản 6 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm b Khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
6. **Đi ngược chiều của đường một chiều sẽ**  phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 1 - 2 triệu đồng (Khoản 5 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điểm c Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 4 - 6 triệu đồng (Điểm a Khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
7. **Điều khiển xe lạng lách, đánh võng sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 6 - 8 triệu đồng (Điểm b Khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 8 - 10 triệu đồng (Điểm a Khoản 9 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)
8. **Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất sẽ** phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 6 - 8 triệu đồng (Điểm đ Khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP) và phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 8 - 10 triệu đồng (Điểm c Khoản 9 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP)

### 

### **III. Mức phạt của các lỗi phổ biến tại theo Nghị định 168 đối với với ô tô**

1. **Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường sẽ** phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo khoản 1 Điều 6
2. **Sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định sẽ** phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo khoản 1 Điều 6
3. **Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định (“mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề”) sẽ** phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Khoản 2 Điều 6
4. **Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định sẽ** phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Khoản 2 Điều 6
5. **Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng sẽ** phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Khoản 2 Điều 6
6. **Dừng xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; Dừng xe trên đường dành riêng cho xe buýt; Dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; Dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; Dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; Dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe” sẽ** phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Khoản 2 Điều 6
7. **Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
8. **Sử dụng còi, rú ga liên tục sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
9. **Dừng xe, đỗ xe tại vị trí cấm, bao gồm:**
   * **Nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau**
   * **Điểm đón, trả khách; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra, vào**
   * **Nơi phân đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới**
   * **Che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông; nơi mở dải phân cách giữa**
   * **Cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố hẹp, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường**
   * Mức phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
10. **Đỗ xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; Đỗ xe trên đường dành riêng cho xe buýt; Đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; Đỗ xe ở vỉa hè trái quy định của pháp luật; Đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe” sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
11. **Không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
12. **Không thắt dây đai an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
13. **Chở người trên xe ô tô không thắt dây đai an toàn (tại vị trí có trang bị dây đai an toàn) khi xe đang chạy sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
14. **Chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô ngồi cùng hàng ghế với người lái xe (trừ loại xe ô tô chỉ có một hàng ghế) hoặc không sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em theo quy định sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
15. **Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép sẽ** phạt: 800.000 - 01 triệu đồng theo Khoản 3 Điều 6
16. **Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí sẽ** phạt: 02 - 03 triệu đồng theo Khoản 4 Điều 6
17. **Quay đầu xe tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm quay đầu đối với loại phương tiện đang điều khiển; Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; Điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển sẽ** phạt: 02 - 03 triệu đồng theo Khoản 4 Điều 6
18. Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; Đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều); Điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6

19. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6

1. Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề” khi chạy trên đường cao tốc sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6
2. Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6
3. Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6
4. Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6
5. Mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn sẽ phạt: 04 - 06 triệu đồng theo Khoản 5 Điều 6
6. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h sẽ phạt: 06 - 08 triệu đồng theo Khoản 6 Điều 6
7. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt: 12 - 14 triệu đồng theo Khoản 7 Điều 6
8. Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định sẽ phạt: 12 - 14 triệu đồng theo Khoản 7 Điều 6
9. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt: 18 - 20 triệu đồng theo Khoản 9 Điều 6
10. Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông sẽ phạt: 18 - 20 triệu đồng theo Khoản 9 Điều 6
11. Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông sẽ phạt: 18 - 20 triệu đồng theo Khoản 9 Điều 6
12. Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” sẽ phạt: 18 - 20 triệu đồng theo Khoản 9 Điều 6
13. Điều khiển xe không quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn theo quy định mà gây tai nạn giao thông; Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; Không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông sẽ 20 - 22 triệu đồng theo Khoản 10 Điều 6
14. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt 30 - 40 triệu đồng và Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 - 24 tháng theo Khoản 11, 15 Điều 6
15. Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ sẽ phạt: 30 - 40 triệu đồng và Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 - 24 tháng theo Khoản 11, 15 Điều 6
16. Chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ sẽ phạt: 40 - 50 triệu đồng, Tịch thu phương tiện và Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 10 - 12 tháng theo Khoản 12, 14, 15 Điều 6
17. Chạy quá tốc độ, điều khiển xe lạng lách, đánh võng gây tai nạn giao thông sẽ phạt: 50 - 70 triệu đồng và Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng theo Khoản 13, 15 Điều 6

37. Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm hoặc có kích thước khoang chở hành lý (hầm xe) không đúng với thông số kỹ thuật được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe sẽ phạt: 01 - 02 triệu đồng theo Điểm d khoản 3 Điều 13

1. Điều khiển xe không có chứng nhận đăng ký xe hoặc sử dụng chứng nhận đăng ký xe đã hết hạn sử dụng, hết hiệu lực (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) sẽ phạt: 2 - 3 triệu đồng theo Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Điều khiển xe có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nhưng đã hết hiệu lực (hạn sử dụng) dưới 01 tháng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) sẽ phạt: 3 - 4 triệu đồng theo Điểm a Khoản 5 Điều 13 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
3. Điều khiển xe không có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, trừ xe đăng ký tạm thời) hoặc có nhưng đã hết hiệu lực (hạn sử dụng) từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng theo Điểm b Khoản 6 Điều 13 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
4. Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số) sẽ phạt: 10 - 12 triệu đồng theo Điểm b Khoản 7 Điều 13 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
5. Người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô kinh doanh vận tải không có hoặc không mang theo chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực sẽ phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo Khoản 4 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
6. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng theo Khoản 6 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
7. Có giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 01 năm sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng theo Khoản 6 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
8. Sử dụng giấy phép lái xe không hợp lệ sẽ phạt: 8 - 10 triệu đồng theo Khoản 8 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
9. Có giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc có giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng từ 01 năm trở lên sẽ phạt: 8 - 10 triệu đồng theo Khoản 8 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
10. Không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe đã bị trừ hết điểm hoặc sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, giấy phép lái xe bị tẩy xóa, giấy phép lái xe không còn hiệu lực sẽ phạt: 18 - 20 triệu đồng theo Khoản 8 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **IV. Lỗi phạt gương chiếu hậu 2025**

1. Gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng sẽ phạt theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP: 100.000 - 200.000 đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định 100/2019/NĐ-CP
2. Gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng (Mức phạt tăng theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP) sẽ phạt theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP: 400.000 - 600.000 đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều 14 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **V. Mức phạt không đội mũ bảo hiểm.**

1. Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ sẽ phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo điểm h và i khoản 2 Điều 7 [Nghị định 168/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-168-2024-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-an-toan-giao-thong-duong-bo-619502.aspx?anchor=dieu_7), điểm d và đ khoản 4 Điều 9 [Nghị định 168/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-168-2024-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-an-toan-giao-thong-duong-bo-619502.aspx?anchor=dieu_9), điểm b khoản 5 Điều 12 [Nghị định 168/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-168-2024-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-an-toan-giao-thong-duong-bo-619502.aspx?anchor=dieu_12)

### **VI. Mức phạt nồng độ cồn**

1. Chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt: 2 - 3 triệu đồng và Trừ 4 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm a Khoản 6, Điểm b Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt: 6 - 8 triệu đồng và Trừ 10 điểm trên GPLX theo Điểm b Khoản 8, Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
3. Vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở sẽ phạt: 8 - 10 triệu đồng và Tước quyền sử dụng GPLX từ 22 - 24 tháng theo Điểm d Khoản 9, Điểm c Khoản 12 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

**VII. Mức phạt vượt đèn đỏ đối với xe máy**

1. Xe máy vượt đèn đỏ (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng và Bị trừ 4 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm c Khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm b Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Xe máy vượt đèn đỏ (Gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng và Bị trừ 10 điểm trên GPLX theo Điểm b Khoản 10 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **VIII. Mức phạt xe máy đè vạch dừng đèn đỏ**

1. Xe máy đè vạch dừng đèn đỏ (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 200.000 - 400.000 đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Xe máy đè vạch dừng đèn đỏ (Gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng và Bị trừ 10 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm b Khoản 10 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **IX. Mức phạt xe máy đi sai làn đường**

1. Đi sai làn đường (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Điểm d Khoản 3 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Đi sai làn đường (Gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng và Bị trừ 10 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm a Khoản 10 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **X. Mức phạt xe máy chở quá số người quy định**

1. Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 12 tuổi, người già yếu hoặc người khuyết tật, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật sẽ phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo Điểm g Khoản 2 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Chở theo từ 03 người trở lên trên xe sẽ phạt: 600.000 - 800.000 đồng và Bị trừ 02 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm b Khoản 3 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm a Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XI. Mức phạt không bật đèn xe**

1. Không sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 200.000 - 400.000 đồng theo Điểm g Khoản 1 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Không sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn (Gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng và Bị trừ 10 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
3. Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 600.000 - 800.000 đồng theo Điểm h Khoản 3 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
4. Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần (Gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng và Bị trừ 10 điểm trên GPLX theo Điểm d Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XII. Mức phạt không có bằng lái xe máy**

1. Không mang theo bằng lái xe sẽ phạt: 200.000 - 300.000 đồng theo Điểm d Khoản 2 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Không có bằng lái xe
   * Đối với xe có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW và các loại xe tương tự sẽ phạt: 2 - 4 triệu đồng Theo Điểm a Khoản 5 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm b Khoản 7 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
   * Đối với xe có dung tích xi-lanh trên 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và xe mô tô ba bánh sẽ phạt: 6 - 8 triệu đồng Theo Điểm a Khoản 5 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm b Khoản 7 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
   * Đối với xe máy chuyên dùng sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng Theo Điểm a Khoản 5 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm b Khoản 7 Điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XIII. Mức phạt lỗi đi xe máy trên vỉa hè**

1. Đi xe máy trên vỉa hè (Không gây tai nạn giao thông) sẽ phạt: 4 - 6 triệu đồng và Bị trừ 2 điểm trên giấy phép lái xe (GPLX) theo Điểm a Khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm a Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XIV. Mức phạt lỗi chạy quá tốc độ với mô tô, xe gắn máy**

1. Vượt quá tốc độ từ 05 km/h đến dưới 10 km/h sẽ phạt: 400.000 - 600.000 đồng theo Điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Vượt quá tốc độ từ 10 km/h đến 20 km/h sẽ phạt: 800.000 - 1.000.000 đồng theo Điểm a Khoản 4 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
3. Vượt quá tốc độ trên 20 km/h sẽ phạt: 6 - 8 triệu đồng theo Điểm a Khoản 8, Điểm b Khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
4. Điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định sẽ phạt: 8 - 10 triệu đồng theo Điểm b Khoản 9 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
5. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông sẽ phạt: 10 - 14 triệu đồng theo Điểm a Khoản 10 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XV. Mức phạt lỗi chạy quá tốc độ với máy kéo, xe máy chuyên dùng**

1. Vượt quá tốc độ từ 05 km/h đến dưới 10 km/h phạt: 800.000 - 1.000.000 đồng theo Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
2. Vượt quá tốc độ từ 10 km/h đến 20 km/h phạt: 1.000.000 - 2.000.000 đồng theo Điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
3. Vượt quá tốc độ trên 20 km/h phạt: 3 - 5 triệu đồng theo Điểm a Khoản 6 Điều 8 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
4. Điều khiển xe máy chuyên dùng chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông phạt: 14 - 16 triệu đồng theo Điểm a Khoản 8 Điều 8 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

### **XVI. Mức phạt lỗi không có biển số xe máy**

1. Không gắn biển số xe máy phạt: 4 - 6 triệu đồng và Bị trừ 6 điểm trên GPLX Theo Điểm a Khoản 3 Điều 14 Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Điểm b Khoản 8 Điều 14 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

**XVII. Tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, đặc tính của xe**

* Đối với cá nhân tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, đặc tính của xe sẽ phạt 4 - 6 triệu đồng theo Điểm b Khoản 8 Điều 32 Nghị định 168/2024/NĐ-CP
* Đối với tổ chức tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, đặc tính của xe : 8 - 12 triệu đồng theo Điểm b Khoản 8 Điều 32 Nghị định 168/2024/NĐ-CP

**XVII. Lỗi trừ điểm giấy phép lái xe**

**Trừ 2 điểm:**

* Kéo hoặc đẩy xe/vật không đúng quy định.
* Chở người trên xe kéo, trừ người lái.
* Đi vào làn thu phí tự động không đủ điều kiện.
* Dừng/đỗ xe sai quy định (trái đường, trên cầu, đoạn cong, song song xe khác).
* Không đảm bảo an toàn khi xe hỏng tại giao lộ đường sắt.
* Không nhường đường khi an toàn.
* Lùi, quay đầu hoặc dừng/đỗ xe không đúng trong hầm đường bộ.
* Gây tai nạn giao thông mà không thực hiện trách nhiệm.
* Vượt sai quy định, không tín hiệu.
* Không đi đúng làn/đường hoặc tránh xe không đúng quy định.
* Vi phạm quy định về đường cao tốc (đi vào làn dừng khẩn cấp, không giữ khoảng cách an toàn).
* Chạy quá tốc độ 10-20 km/h.
* Sử dụng tín hiệu ưu tiên sai quy định.
* Chuyển làn không đúng nơi, không tín hiệu hoặc sai quy định.
* Đi vào khu vực/đường cấm.
* Dừng/đỗ/quay đầu xe gây ùn tắc giao thông.
* Không nhường đường tại giao lộ hoặc không giảm tốc độ khi cần.

## **Trừ 4 điểm:**

* Dùng tay sử dụng điện thoại/thiết bị điện tử khi lái xe.
* Chạy quá tốc độ 20-35 km/h.
* Cản trở xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ.
* Nồng độ cồn chưa vượt mức 50 mg/100 ml máu hoặc 0,25 mg/l khí thở.
* Đi trên vỉa hè sai quy định.
* Xe bốn bánh gắn động cơ đi vào đường cao tốc.
* Không chấp hành tín hiệu giao thông hoặc chỉ dẫn giao thông.
* Đi ngược chiều đường một chiều hoặc đường cấm.

## **Trừ 6 điểm:**

* Chở người trên thùng/nóc xe hoặc để người đu bám khi xe chạy.
* Chạy quá tốc độ trên 35 km/h.
* Dừng/đỗ xe trên cao tốc sai quy định (không đặt biển báo cách 150m, không bật đèn khẩn cấp).
* Không dừng phương tiện, giữ hiện trường, hỗ trợ nạn nhân khi gây tai nạn.

## **Trừ 10 điểm:**

* Nồng độ cồn vượt mức 50-80 mg/100 ml máu hoặc 0,25-0,4 mg/l khí thở.
* Gây tai nạn do không tuân thủ quy định giao thông.
* Đi ngược chiều/lùi xe/quay đầu xe trên đường cao tốc.